

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diển Nghĩa**

**Tập 84**

**Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không**

**Thời gian: 19/07/2010**

**Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội**

**Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa**

**Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang chín mươi ba, dòng thứ hai, xem từ chữ “*nhất thời*”.

“*Nhất thời giả, Thời Thành Tựu dã. Cái thời vô thật pháp, trường đoản tùy tâm, diên xúc đồng thời, tam kỳ, nhất niệm. Như Sớ Sao viết: Hoặc thuyết giả đắc đà-la-ni, nhất sát-na khoảnh, nhất tự chi trung, thuyết nhất thiết pháp môn, hoặc thính giả đắc tịnh nhĩ căn, u nhất sát-na, văn nhất tự thời, u dư nhất thiết tất vô chướng ngại; hoặc thuyết giả thời thiếu, thính giả thời đa, hoặc thuyết giả thời đa, thính giả thời thiếu, hoặc thuyết giả thần lực diên xúc tùy nghi, thính giả căn khí lợi độn bất nhất*” (“Nhất thời” là Thời Thành Tựu. Do Thời chẳng phải là thật pháp, dài hay ngắn tùy tâm, kéo dài hay rút gọn cùng một lúc, ba A-tăng-kỳ trong một niệm. Như Sớ Sao đã nói: “Hoặc kẻ nói đắc đà-la-ni, trong khoảng một sát-na, trong một chữ, nói hết thầy pháp môn. Hoặc người nghe đắc nhĩ căn thanh tịnh, trong một sát-na, lúc nghe một chữ, đối với những thứ khác đều chẳng chướng ngại. Hoặc người nói trong một thời gian ngắn, người nghe [cảm thấy] thời gian lâu dài. Hoặc kẻ nói lâu lắc, người nghe thành chốc lát. Hoặc người nói dùng thần lực kéo dài hay rút ngắn tùy nghi, người nghe là căn khí lợi hay độn chẳng phải chỉ một loại”). Chúng ta đọc tới đây. Đây là nói về Thời Thành Tựu. Đức Phật nói kinh vào lúc nào, điều này cũng do đức Thế Tôn dạy ngài A Nan. Sáu thứ thành tựu do đức Phật dạy, sau “*như thị ngã văn*” là “*nhất thời*”, Phật ở nơi nào. Chẳng ghi chép năm, tháng, ngày, chỉ nói là “*nhất thời*”. Lúc chúng tôi mới học Phật, vừa mới nhập môn, đối với chuyện này, chúng tôi rất hoài nghi. Cổ nhân Trung Quốc luôn ghi chép năm, tháng, ngày, thời cổ dùng Can Chi để ghi chép. Vì sao đối với kinh Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh bốn mươi chín năm, vì sao chẳng chép thời gian, chỉ nói mơ hồ là “*nhất thời?*” Nói chung là chẳng rõ rệt! Trải qua bao nhiêu thời gian, nghiên cứu kinh tạng đôi chút, mới thật sự hiểu rõ, nói “*nhất thời*” là thật, nói ra năm, tháng, ngày là giả, chẳng thật,

“nhất thời” là thật. Tiếp đó, giải thích căn cứ theo kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói Thời chẳng phải là thật pháp. Thời gian, đối lập với thời gian là không gian, thời gian và không gian đều chẳng thật. “Thật” là chân thật, [thời gian và không gian] chẳng phải là thật. “Trùng đoan tùy tâm”: Quý vị thấy thời gian dài hay ngắn, cảnh chuyển biến theo tâm. Không chỉ là thời gian được cảm nhận chẳng giống nhau theo ý niệm sai khác của chúng ta, mà không gian cũng giống như thế. Không gian lớn hay nhỏ tùy tâm, dần dần nhập cảnh giới Đại Thừa bèn hiểu rõ [điều ấy]. Không chỉ như thế, trong kinh Phật, đúng là chúng ta thấy “*diên xúc đồng thời*”, “*diên*” (延) là một thời gian dài, “*xúc*” (促) là thời gian ngắn ngủi. [Ngắn là] một sát-na, dài là vô lượng kiếp, vô lượng kiếp và một sát-na đồng thời. Cảnh giới ấy chẳng thể nghĩ bàn, cảnh giới ấy là chân thật. “*Tam kỳ nhất niệm*”: Ba đại A-tăng-kỳ kiếp là một thời gian dài, nhất niệm là thời gian ngắn ngủi. Ba đại A-tăng-kỳ kiếp có thể rút gọn thành nhất niệm, nhất niệm có thể kéo dài thành ba đại A-tăng-kỳ kiếp, đó là thời gian rất ư là dài!

Đức Phật nói “nhất thời” là chính xác, đối với người học Phật chúng ta mà nói, nói “nhất thời” đã ban cho chúng ta hy vọng chân thật. Chúng ta nghĩ thuở ấy, đức Phật giảng kinh này tại “*Vương Xá thành, Kỳ Xà Quật sơn*”, tức là Linh Sơn, cùng một địa điểm với kinh Pháp Hoa. Chúng ta có thể tham dự hội ấy hay không? Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, chúng ta có thể đích thân đến nghe hay không? Có thể! Trong Phật giáo sử Trung Quốc có chép: Khi Trí Giả đại sư đọc kinh Pháp Hoa, nhập Định, trong Định đại sư thấy đức Thế Tôn đang giảng kinh Pháp Hoa, Ngài còn ngồi bên cạnh nghe một buổi, nghe một lần. Sau khi xuất định báo với mọi người, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh Pháp Hoa tại Linh Sơn, pháp hội còn chưa giải tán, Ngài đích thân tham dự một buổi. Trong Định đột phá chiều không gian và thời gian, Trí Giả đại sư sau Thích Ca Mâu Ni Phật hơn một ngàn năm, mà Ngài có thể tiến nhập đạo tràng hơn một ngàn năm trước, có thể đích thân nghe đức Phật giảng kinh. Không chỉ có thể trở lại quá khứ, mà cũng có thể vượt đến tương lai. Thích Ca Mâu Ni Phật có thấy thời đại hiện tại của chúng ta hay không? Thấy được! Nếu chẳng thấy, có sao Ngài có thể nói đoạn kinh văn Ngũ Thiêu, Ngũ Thống? Đoạn ấy miêu tả gì vậy? Xã hội hiện thời của chúng ta, Ngài đã thấy! Không chỉ thấy hiện tại, mà còn thấy tới lúc pháp diệt tận. Đức Phật có nói một bộ kinh là Pháp Diệt Tận Kinh, đấy là thời đại nào? Pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật là một vận hai ngàn năm, lúc ấy là một vận hai ngàn năm [sau khi đức Phật diệt độ], đức Phật đã nói rõ trạng huống lúc ấy. Chẳng phải là tiên đoán, mà là chính mắt thấy, thấy chính xác.

Khi chúng tôi còn trẻ, thấy rất nhiều dự ngôn của Trung Quốc và ngoại quốc. Tôi từng hỏi thầy Lý, Thôi Bối Đồ<sup>1</sup>, Thiêu Bính Ca<sup>2</sup> của Trung Quốc có đúng hay không? Thầy bảo tôi: Trong các dự ngôn của cổ nhân Trung Quốc, dự ngôn của thiên sư Hoàng Bá đáng tin, vì sao? Ngài thấy trong Định. Còn những thứ như Thôi Bối Đồ không nhất định hoàn toàn chuẩn xác, vì tác giả dựa vào lý số, toán học [để suy đoán]. Kinh Dịch của Trung Quốc là một cuốn sách cao thâm về toán học, từ toán học có thể suy đoán, toán học là mẹ của khoa học. Nhưng chúng đúng là “*sai chỉ hào ly, lạc đi ngàn dặm*”, chẳng thể hoàn toàn chính xác, trong ấy vẫn còn có sai lầm. Còn có những tin tức do bọn đồng cốt truyền lại, tùy thuộc [những

---

<sup>1</sup> Thôi Bối Đồ là một trong bảy tác phẩm tiên tri nổi tiếng nhất. Về bảy tác phẩm dự ngôn nổi tiếng, có thuyết bảo đó là Càn Khôn Vạn Niên Ca của Khương Tử Nha, Mã Tiên Khóa của Không Minh, Tàng Đầu Thi của Lý Thuần Phong, Mai Hoa Thi của Thiệu Khang Tiết, Thiêu Bính Ca của Lưu Bá Ôn, Hoàng Thi, và Kim Lăng Tháp Bi Văn của Lưu Bá Ôn (trong thuyết này, Thôi Bối Đồ không được nhắc tới). Thuyết thứ hai nói bảy tác phẩm ấy là Mã Tiên Khóa, Thôi Bối Đồ, Thiêu Bính Ca, Càn Khôn Vạn Niên Ca, Tàng Đầu Thi và Mai Hoa Thi. Thuyết thứ ba gần giống thuyết thứ hai, nhưng thay Mai Hoa Thi bằng Hoàng Bá Thiên Sư Thi. Theo các nhà nghiên cứu, Thôi Bối Đồ xuất hiện vào khoảng thời gian 626-649, không rõ do ai trước tác. Dân gian thường cho rằng tác phẩm này do Lý Thuần Phong và Viên Thiên Cương biên soạn. Theo đó, Lý Thuần Phong vận dụng Châu Dịch để tiên đoán lịch sử Trung Quốc từ thời Đường đến hai ngàn năm sau, cho đến khi Viên Thiên Cương đẩy vào lưng, bảo hãy ngưng lại (nên gọi là Thôi Bối Đồ). Lời dự ngôn gồm năm mươi tám đoạn. Bản Thôi Bối Đồ lưu hành hiện thời có lời giải thích của Kim Thánh Thán. Mỗi một lời dự đoán bao gồm ba phần Sám (lời dự đoán chính), Tụng là một bài thơ ngắn nói rộng thêm lời Sám, Đồ là hình vẽ và phần Quái Tượng chỉ rõ lời Sám ứng với quẻ nào trong Châu Dịch. Chẳng hạn, lời đoán thứ hai như sau: “*Lũy lũy thạch quả, mạc minh kỳ số, nhất quả nhất nhân, tức tân tức cổ. Tụng viết: Vạn vật thổ trung sanh, nhị cửu tiên thành thật, nhất thống định Trung Nguyên, âm thịnh dương tiên kiệt*” (quả to đầy ăm ắp, chẳng biết số bao nhiêu, cứ một quả, một nhân, vừa mới lại vừa cũ. Tụng rằng: Vạn vật sanh từ đất, hai chín thành trái trước, thống nhất, Trung Nguyên yên, âm thịnh, dương cạn trước), Kim Thánh Thán giảng: “[*Đồ hình vẽ*] một đĩa đầy ắp quả mận, gồm hai một trái, tức là từ Đường Cao Tổ đến Chiêu Tuyên Đế (Đường Ai Đế Lý Chúc) là hai mươi một đời vua. ‘*Nhị cửu*’ có nghĩa là vận của nhà Đường là hai trăm tám mươi chín năm. ‘*Âm thịnh*’ chỉ Võ Tắc Thiên nắm quyền, dâm dật, hôn mê, rối loạn triều chánh, khiến nhà Đường nghiêng ngả. Sau đấy, đến thời thịnh trị Khai Nguyên (Đường Huyền Tông), tuy đẹp đẽ sánh ngang thời Trinh Quán (Đường Thái Tông), nhưng rồi Dương Quý Phi chuốc họa, tông thất phải bỏn tấu...”

<sup>2</sup> Thiêu Bính Ca là tác phẩm dự ngôn lưu truyền trong dân gian, tương truyền do quân sư của Minh Thái Tổ là Lưu Bá Ôn nói ra. Theo đó, Minh Thái Tổ (Châu Nguyên Chương) đang ăn thiêu bính (một loại bánh ngọt) thì có Lưu Cơ (Lưu Bá Ôn) cầu kiến, Thái Tổ lấy chén úp lên bánh rồi thách Lưu Bá Ôn đoán dưới chén là gì, Lưu Bá Ôn trả lời đúng, nhân đó, hai người bàn về vận số của nhà Minh. Những lời dự đoán ấy được gọi là Thiêu Bính Ca. Thiêu Bính Ca lời lẽ bí hiểm, được rất nhiều người giải thích rất chi tiết, nhưng cũng chỉ là phỏng đoán dựa trên những sự kiện lịch sử đã xảy ra, gần giống như cách giải thích sấm Trạng Trình tại Việt Nam.

linh quý dựa xác bọn đồng cốt] thuộc đẳng cấp nào. Tin tức do đồng cốt [có quý thân] cao cấp [dựa thân] truyền lại thường chính xác, nhưng [tin tức của bọn đồng cốt thuộc] tầng lớp rất thấp sẽ chẳng chính xác. Chúng ta biết quý đạo có Ngũ Thông, do quả báo mà có, chẳng phải do tu được, do quả báo mà đạt được. Tầng lớp thông linh cũng khác nhau, và [tùy thuộc] tâm thái mỗi cá nhân khác nhau. Nay chúng ta hiểu điều này, tâm thái chủ thể hết thay: Tâm thái tốt, tầng lớp của quý bèn cao, tâm thái bất thiện, tầng lớp của quý cũng rất thấp; nhưng chúng đều có năng lực vượt qua thời gian và không gian, nhưng [quý thuộc] tầng lớp thấp thì mức độ vượt qua chẳng lớn. Những chuyện giống như vậy, trong đời này, đặc biệt là trong thời đại này, chúng ta thường gặp. Vì vậy, chính mình chớ nên không hiểu rõ. Hễ gặp bèn chẳng thấy nó là chuyện hiếm hoi, kỳ lạ gì, đó là một hiện tượng bình thường trong vũ trụ. Chúng ta nhớ một câu nói của đức Thế Tôn: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, chớ nên ghim trong lòng, hễ tiếp xúc thì có thể tham khảo, nhất định phải dùng định huệ của chính mình để ứng phó, chớ nên dùng tình thức. Dùng tình thức để ứng phó sẽ thường bị thua thiệt, bị lừa. Phải dùng định huệ, tâm thanh tịnh sẽ chẳng bị chúng ảnh hưởng, dùng trí huệ để quan sát, chúng ta sẽ biết ứng phó tin tức nhận được như thế nào, đó là chính xác. Vì vậy, phải nhớ Phật pháp là “*phá mê khai ngộ*”, chẳng mê tín!

Chúng ta thấy ở đây, Hoàng lão cư sĩ nói với chúng ta, trước tiên là những điều kinh nói. “*Như Sớ Sao viết*” (như Sớ Sao nói), Sớ Sao là A Di Đà Kinh Sớ Sao do Liên Trì đại sư trước tác. Trong Sớ Sao, có mấy câu giảng về “*nhất thời*” theo cách như vậy. “*Thuyết giả đắc đà-la-ni*”, “*đà-la-ni*” là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Tổng Trì, bao gồm hết thảy các pháp, trì hết thảy các nghĩa. Trong Phật học, danh từ này được dùng rất phổ biến, đây cũng là đặc định khai ngộ. Người học Phật nhất định phải coi trọng Tam Học Giới - Định - Huệ, không thể coi thường. Nếu Giới chẳng trọng yếu như vậy, cần gì Thích Ca Mâu Ni Phật phải coi trọng dường ấy, có gì phải buốt lòng rát miệng khuyên dạy ngàn ấy? Nó đúng là rất trọng yếu, là cội rễ! Ngày nay, chúng ta học Phật chẳng thể thụ dụng là do nguyên nhân gì? Chúng ta bỏ sót căn bản. Các đồng học tại gia học Phật sơ sót Thập Thiện Nghiệp Đạo. Thập Thiện Nghiệp Đạo là đại pháp căn bản để tu học Phật pháp. Quý vị thấy: Trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, đức Phật đã giảng rất rõ ràng, nói từ pháp nhân thiên. Pháp nhân thiên là gì? Trong lục đạo, quý vị đạt được phương pháp của nhân đạo và thiên đạo, đó là gì vậy? Thập Thiện Nghiệp Đạo. Lên cao hơn là nói tới Thanh Văn Bồ Đề, Duyên Giác Bồ Đề, cho đến Vô Thượng Bồ Đề. Nói cách khác, từ trong lục đạo, quý vị đạt được nhân

đạo, thiên đạo, mãi cho đến khi chúng đấng Phật quả rốt ráo viên mãn, thầy đều dựa vào Thập Thiện Nghiệp Đạo; há chẳng phải là trọng yếu ư? Giống như nay chúng ta xây một cao ốc, xây cao ốc cao đến mấy chục tầng, hay một trăm tầng, Thập Thiện Nghiệp Đạo là gì? Là nền móng, là nền tảng. Quý vị thiếu cơ sở, dù xây hai ba tầng còn chẳng thành, làm sao có thể xây cao ốc một trăm tầng? Càng lên cao, quý vị mới hiểu căn cơ càng bền vững. Hiện thời, chúng ta thấy chẳng ai làm được Thập Thiện; vì vậy, tôi thường nghĩ vì sao người thuở trước làm được, mà nay chúng ta chẳng làm được? Tôi nghĩ thật lâu rồi mới vỡ lẽ: Người thuở trước có thể làm được là do giáo dục gia đình tốt đẹp! Giáo dục gia đình: Trẻ nhỏ vừa sanh ra đã được cha mẹ dạy dỗ, cho nên nó thật sự đặt vững căn cơ. Sau này, khi đọc kinh, qua kinh điển chúng tôi thấy được điều này.

Từ giữa đời Đường trở đi, Phật giáo Trung Quốc chẳng dùng Tiểu Thừa nữa, Tiểu Thừa cũng lấy Thập Thiện Nghiệp Đạo làm cơ sở. Trung Quốc không dùng Tiểu Thừa, mà chọn Nho và Đạo làm cơ sở cho Đại Thừa, trải qua hơn một ngàn bảy trăm năm, đã thí nghiệm thành công. Quý vị thấy từ giữa đời Đường cho đến đầu thời Dân Quốc, trong mỗi triều đại, người tu hành thật sự có khai ngộ, chứng quả, đấng công phu định lực rất nhiều. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp môn nào cũng đều có thể giúp quý vị đắc tam-muội. Đắc tam-muội là đắc Thiền Định, niệm Phật đến mức tâm thanh tịnh hiện tiền là Niệm Phật tam-muội thành tựu. Chúng tôi mới dần dần hiểu rõ: Chúng ta phải học tập bổ sung, bù đắp bằng Đệ Tử Quy của Nho gia và Thái Thượng Cảm Ứng Thiên của Đạo gia, có hai cơ sở này thì Thập Thiện Nghiệp Đạo, Tam Quy, Ngũ Giới sẽ dễ dàng, thật sự đạt được, Tam Quy là thật, chẳng giả. Hiện thời, Tam Quy là giả, chẳng thật. Quý vị thấy Tam Quy là “*quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”. Đọc Lục Tổ Đàn Kinh, chúng ta liền hoảng nhiên đại ngộ. Lục Tổ Huệ Năng là người đời Đường, nhằm thời đại Võ Tắc Thiên. Thuở ấy, lão nhân gia truyền quy y, chẳng đọc “*quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”, Ngài chẳng đọc như thế, mà đọc như thế nào? “*Quy y Giác, quy y Chánh, quy y Tịnh*”. Vì sao Ngài đọc theo cách ấy? Chúng ta hãy suy nghĩ cặn kẽ! Khẳng định là Phật pháp truyền tới Trung Quốc đã hơn một ngàn năm, truyền đã lâu như thế, cho nên xuất hiện rất nhiều sai lệch, lầm lẫn. Mọi người hễ nghe nói Phật, Pháp, Tăng, chắc là nghe nói đến Phật bèn nghĩ tới tượng Phật, nghe nói “*quy y Pháp*” bèn nghĩ tới kinh sách, “*quy y Tăng*” bèn nghĩ tới người xuất gia. Sai rồi! Đó chẳng phải là ý nghĩa thật sự của Tam Quy, ý nghĩa thật sự của Tam Quy là Giác, Chánh, Tịnh. Vì thế, Tổ truyền quy y bèn nói “*quy y Giác, quy y Chánh, quy y Tịnh*” rồi mới giải thích “*Phật là Giác, Pháp là*

*Chánh, Tăng là Tịnh*”. Ngài giải thích cho chúng ta, vừa giải thích như thế, chúng ta bèn hiểu rõ.

Quy y Phật nghĩa là gì? Giác chứ chẳng mê. Chúng ta từ mê hoặc, điên đảo, quay về nương vào tự tánh giác, đó là quy y Phật thật sự. [Phật trong Tam Quy] là tự tánh Phật của quý vị, chẳng phải là Phật ở bên ngoài. Tượng Phật ở bên ngoài là gì? Nhằm nhắc nhở quý vị, Phật tượng trưng điều gì? Phật tượng trưng tự tánh giác. Quý vị thật sự quy y, chẳng phải là quy y bên ngoài, mà là từ mê hoặc, điên đảo quay lại, ta phải giác ngộ, chẳng còn mê hoặc nữa. Quy y Pháp, chánh chứ không tà, ta từ tà tri, tà kiến, tà hạnh quay lại, nương theo chánh tri, chánh kiến, chánh hạnh. Tiêu chuẩn này thuộc về giới luật, nền tảng của giới luật là Đệ Tử Quy. Đệ Tử Quy dạy quý vị chánh tri, chánh kiến, chánh niệm, chánh hạnh, [những điều ấy] đều ở trong tự tánh. Thái Thượng Cảm Ứng Thiên gồm một trăm chín mươi lăm điều, thiện ác báo ứng cũng là tự tánh. Nói chung, Phật pháp từ đầu tới cuối, từ sơ học cho đến địa vị Như Lai, chẳng rời khỏi tự tánh. Rời khỏi tự tánh sẽ là ngoại đạo, cầu Phật ngoài tâm, đấy là ngoại đạo. Phật là gì? Phật là tự tánh của quý vị, nhất định phải biết điều này. Quy y Tăng, người xuất gia đại diện Tăng. Thấy người xuất gia bèn ngay lập tức cảnh tỉnh: Ta hãy nên tịnh, đừng nhiễm. Ta từ ô nhiễm quay lại, nương vào tự tánh tịnh. Quý vị thấy Huệ Năng đại sư khai ngộ, câu đầu tiên Ngài nói: “*Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh*”. Quy y “vốn tự thanh tịnh” là quy y Tăng chân thật, chẳng liên can tới cảnh giới bên ngoài. Vì thế, Phật pháp được gọi là “*nội học*”, hoàn toàn tương ứng với tự tánh. Tự tánh tịnh, tự tánh chánh, tự tánh giác, quả thật đã được nói trong tựa đề bộ kinh của chúng ta “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”.

Tự tánh tịnh, thanh tịnh là Tăng Bảo, bình đẳng là Pháp Bảo, giác là Phật Bảo. Tam Quy Y là gì? Chính là năm chữ “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, đó là đúng. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác tương ứng với thanh tịnh, bình đẳng, giác, quý vị thật sự quy y. Thầy lấy Tam Quy, Tam Quy là Phật pháp, bất luận Đại Thừa hay Tiểu Thừa, Tông Môn hay Giáo Hạ, Hiền giáo hay Mật giáo, làm nguyên tắc chỉ đạo tu học tối cao, từ khởi tâm động niệm cho đến ngôn ngữ, tạo tác, chẳng thể rời khỏi thanh tịnh, bình đẳng, giác, đấy là nguyên tắc chỉ đạo tối cao. Quý vị thấy: Vừa vào cửa Phật, trước hết liền truyền dạy nguyên tắc này cho quý vị; từ nay trở đi, quý vị nương theo phương hướng và mục tiêu ấy để tu học thì mới có thể siêu phàm nhập thánh. Đấy là Tam Quy Y thật sự. Nay chúng ta thọ Tam Quy, thọ xong thì sao? Vẫn mê chứ chẳng giác, vẫn nhiễm chứ chẳng tịnh, vẫn tà chứ chẳng chánh, chẳng khác gì chưa thọ, chẳng thay đổi gì hết! Tam

Quy kiêu đó là giả, chẳng thật! Nếu thật sự Tam Quy, trong tâm quý vị chẳng rời khỏi giác, chánh, tịnh. Trong kinh, đức Phật bảo chúng ta, ngày đêm có ba mươi sáu vị thần hộ pháp bảo vệ quý vị; đối với mỗi điều trong Ngũ Giới đều có năm vị thần hộ giới. Ngũ Giới quý vị đều làm được thì có hai mươi lăm vị thần hộ giới bảo vệ quý vị. Quý vị sẽ không bị tà mị dựa thân, chẳng bị là do thần hộ pháp và thần hộ giới của quý vị rất nhiều. Học Phật mà vẫn còn có hiện tượng bị ma quỷ dựa thân, cho thấy quý vị chưa làm được [Ngũ Giới], thần hộ giới lẫn thần hộ pháp đều lánh xa, bỏ đi, chẳng hộ trì quý vị. Nhất định phải hiểu đạo lý này.

Chúng ta thọ Tam Quy hoặc thọ giới, có cần phải đến giới đàn tiếp nhận theo nghi thức [truyền giới] hay không? Thưa quý vị, nghi thức không quan trọng. Thuở tôi mới học Phật, Chương Gia đại sư bảo tôi: “*Phật pháp trọng thực chất, chẳng trọng hình thức*”, thực chất là gì? Quý vị thật sự phát tâm muốn học, sẽ được! “Tôi thật sự phát tâm muốn học Phật, tôi đọc kinh điển thấy viết về Tam Quy Y, tôi thật sự muốn học, nghiêm túc học tập, tôi hiểu rõ”, tức là quý vị thật sự thọ. Thấy Ngũ Giới dạy “chẳng sát sanh”, chính mình bèn phát nguyện, suốt đời này ta trọn chẳng tổn thương, gây hại hết thảy chúng sanh, quý vị đạt được giới điều này! Chẳng trộm cắp, ta phát tâm suốt đời này trọn chẳng chiếm chút tiện nghi nào của người khác, quý vị đạt được giới điều này. Tại giới đàn, tiếp nhận những nghi thức, nhưng chẳng làm được thì vẫn vô dụng! Đây chẳng phải là thật. Những vị thần hộ pháp chỉ nhận thật, chẳng nhận giả. Hễ giả, họ vừa nhìn bèn cười khi, xong chuyện! Còn thật thì tuy chẳng trải qua những nghi thức tại giới đàn, họ vẫn một mực thủ hộ quý vị. Đạo lý này là sự thật, chúng ta phải hiểu rõ ràng. Đường như vào năm 1999, tôi sang Tân Gia Ba, giảng kinh, dạy học tại Cư Sĩ Lâm, quen biết Tổng Thống hiện thời là tiên sinh Nạp Đan (Sellapan Rama Nathan), khi ấy, ông ta mới vừa từ Mỹ trở về. Ông ta là đại sứ của Tân Gia Ba tại Mỹ, vừa mới trở về. Chúng tôi dùng cơm với nhau, ngồi với nhau, ông ta cho biết: Ông ta là người Ấn Độ, là tín đồ Ấn Độ giáo. Tầng ba của [tòa cao ốc này] là Ấn Độ giáo. Ông ta nói: “*Tôi vô cùng ưa thích Phật giáo, Phật giáo trọng thực chất, không trọng hình thức*”. Ông ta nói một câu như thế, khi ấy, tôi nghe xong, hết sức kinh ngạc. Trong quá khứ, tôi chỉ nghe Chương Gia đại sư nói câu ấy, chưa nghe người thứ hai nào nói, không ngờ ông ta có thể nói ra câu ấy. Đây là bậc thông hiểu, chẳng phải là kẻ lơ mơ. Về sau, ông ta trở thành Tổng Thống Tân Gia Ba, mãi cho đến bây giờ vẫn là Tổng Thống Tân Gia Ba. Khi tôi ở Tân Gia Ba, mỗi năm tối thiểu có đôi ba lần gặp gỡ; vì thế, chúng tôi cũng rất thân thuộc!

Đắc đà-la-ni chính là đắc định, khai ngộ, người ấy có năng lực trong khoảng một sát-na, thời gian ấy rất ngắn, vài giây, trong một chữ, nói hết thấy các pháp môn. Hết thấy các pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, có thể trình bày trọn hết trong một giây, trong một chữ ư? Có thể! Nếu có người biết nghe, đó là gì? Là thông tin! Quý vị thấy hiện thời một bộ Đại Tạng Kinh, chẳng ít, đóng thành sách bìa cứng gồm một trăm hai mươi tập, có thể rút gọn lại trong một con chip, đúng là nhỏ như một cái móng tay, trong con chip ấy là toàn bộ Đại Tạng Kinh. Cổ nhân cũng có một phương pháp xảo diệu, kinh Hoa Nghiêm rất dài, thật đấy, chẳng giả; tôi chẳng biết ở Đại Lục hiện thời có [còn làm như vậy] hay không. Cổ nhân đúc bộ kinh Hoa Nghiêm lên chuông, mặt ngoài, bên trong hồng chung đều là kinh văn, chuông vừa gõ, toàn bộ kinh Hoa Nghiêm [được xướng lên]. Quý vị thấy đó. Trong một niệm sẽ là toàn bộ kinh Hoa Nghiêm. Người biết nghe thì ngay trong một niệm liền hiểu rõ toàn bộ kinh Hoa Nghiêm, được thụ dụng. Cũng giống như vậy, ở Đại Lục, kinh Pháp Hoa, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Kim Cang, kinh Di Đà được đúc trên chuông rất nhiều, họ có khuôn mẫu để đúc trên chuông. Đây là “trong một chữ, chứa đựng hết thấy các pháp môn”. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Một tức hết thấy, hết thấy tức một” chính là ý nghĩa này.

“Hoặc thính giả đắc tịnh nhĩ căn, ư nhất sát-na, văn nhất tự thời, ư du nhất thiết tất vô chướng ngại” (Hoặc là người nghe đắc nhĩ căn thanh tịnh, trong một sát-na, khi nghe một chữ, đối với hết thấy các thứ khác đều không chướng ngại). Đây là nói người nghe khai ngộ. Người ấy nghe một chữ, hay nghe một câu bèn hiểu rõ toàn bộ, đấy là gì? Đắc tịnh nhĩ căn. Chúng tôi nghĩ đến trường hợp Lục Tổ Huệ Năng đại sư, Ngài ở trong phương trượng thất của Ngũ Tổ, Ngũ Tổ giảng kinh Kim Cang cho Lục Tổ, chúng tôi phỏng đoán thời gian ước chừng một giờ, tối đa là hai giờ, không thể lâu hơn hai tiếng đồng hồ. Ngũ Tổ giảng đại ý kinh Kim Cang, giảng đến câu “*ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” (hãy nên chẳng trụ vào đâu mà sanh tâm), Lục Tổ bèn hoát nhiên đại ngộ, thưa bày điều tâm đắc gồm năm câu: “*Nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh; nào ngờ tự tánh, vốn chẳng sanh diệt; nào ngờ tự tánh, vốn tự trọn đủ*”. Những câu ấy tuyệt diệu, trong tự tánh chẳng thiếu thứ gì! Như trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói, trí huệ và đức tướng chẳng thiếu, thấy đều trọn đủ. Thấy đều trọn đủ là đầy đủ y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, đều thuộc trong tự tánh, chẳng lìa khỏi tự tánh. “*Nào ngờ tự tánh, vốn chẳng lay động*”, vốn chẳng lay động là tự tánh vốn định. Cái tâm của chúng ta hiện thời là niệm này diệt, tức niệm trước diệt,

niệm sau sanh, đấy chẳng phải là tự tánh, mà là A Lại Da. Tự tánh là chân tâm, A Lại Da là vọng tâm, vọng tâm là động, chân tâm là định, chẳng đấy động. Câu cuối cùng: “*Nào ngờ tự tánh, có thể sanh ra muôn pháp*”. Nó hiển lộ, có thể sanh ra vạn pháp. Hễ nó ẩn thì hết thấy các pháp đều chẳng thấy.

Tự tánh chẳng phải là sắc pháp, chẳng phải là vật chất, mà cũng không phải là tinh thần. Trong kinh miêu tả tự tánh bằng từ ngữ Thường Tịch Quang. Thường là vĩnh hằng, Tịch là tịch tĩnh, trong ấy thanh tịnh, chẳng bị ô nhiễm, không có ý nghĩa sanh diệt, nó là quang minh, cho nên còn gọi là Đại Quang Minh Tạng. Đây là sự miêu tả của kinh điển đối với tự tánh, tự tánh ở nơi đâu? Không chỗ nào chẳng tồn tại, không lúc nào chẳng tồn tại. Thời gian và không gian đều do nó biến hiện. Đây là Huệ Năng đại sư đặc tịnh nhĩ căn, trong một thời gian rất ngắn, nghe mấy câu, toàn bộ đều chẳng chướng ngại, đều hiểu rõ, thông đạt rành rẽ hết thấy các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, chẳng hiểu làm tí nào! Người nói đặc đà-la-ni, nghe đặc tịnh nhĩ căn, giáo học quá thuận tiện, quá dễ dàng! Dưới tòa của Huệ Năng đại sư quả thật có mấy người [giống như vậy], khai ngộ trong hội của Ngài tổng cộng bốn mươi ba người, trong ấy có vài người có tình hình như thế. Đặc biệt rõ rệt là Vĩnh Gia đại sư, tác giả của bài Chứng Đạo Ca. Quý vị thấy Vĩnh Gia đại sư là một trường hợp như vậy, khai ngộ nhờ một câu nói của Lục Tổ, khai ngộ rồi Ngài muốn rời đi. [Lục Tổ hỏi]: “Sao ông đi nhanh như thế?” Quý vị thấy Ngài trả lời vô cùng ý nghĩa: “Ở lại một đêm!” Đến ngày hôm sau mới đi, vì thế gọi là “*nhất túc giác*” (một đêm giác ngộ). Ngài trụ một đêm tại nơi hiện thời là Nam Hoa Tự một đêm, ngày hôm sau mới đi. Vốn Ngài muốn đi ngay trong lúc ấy, quay đầu đi luôn, thật sự khai ngộ. Ngài là một trong bốn mươi ba người khai ngộ; đấy là thiền sư Vĩnh Gia Huyền Giác. Từ truyện ký Trung Quốc, chúng ta thấy xuất gia lần tại gia đều có người đạt được cảnh giới ấy!

“*Hoặc thuyết giả thời thiếu, thỉnh giả thời đa*” (Hoặc người nói trong thời gian ngắn, người nghe [cảm thấy] thời gian dài). Khi nói, thời gian cũng chẳng nhiều, người nghe cảm thấy thời gian rất dài, nghe rất nhiều. Hoặc là người nói thời gian dài, người nghe [cảm thấy] thời gian ít, cho thấy rõ ràng thời gian chẳng phải là pháp cố định. “*Hoặc thuyết giả thần lực diên xúc tùy nghi*” (hoặc người nói dùng thần lực kéo dài hay rút ngắn tùy nghi), đấy là nói tổng quát, người giảng kinh có thần thông, thời gian dài hay ngắn có thể biến hóa theo ý niệm. Người ấy có ý niệm “hy vọng thời gian lâu dài” nó sẽ biến thành dài, chẳng cần một thời gian dài, chỉ trong thời gian ngắn, người nghe có thể khế nhập cảnh giới, thời gian

bèn có thể rút ngắn. “*Thính giả, căn khí lợi độn bất nhất*” (căn khí của người nghe là lợi căn hay độn căn chẳng phải chỉ một): Căn khí nhạy bén có thể ngộ nhập trong một sát-na; căn khí độn phải mất một thời gian khá dài mới có thể ngộ nhập, chúng ta thường nói “*thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*” là đối với căn cơ nào? Độn căn! Lợi căn không cần. Nhưng chúng sanh trong lục đạo lợi căn quá ít, độn căn nhiều; vì thế, nhiều kinh luận đều thiên về độn căn để giảng, đề xướng “*thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”, đây là nói với kẻ độn căn, chẳng phải dành cho kẻ lợi căn, chẳng dạy lợi căn theo cách ấy! Lợi căn thật sự là “*nghe một, ngộ cả ngàn*” giống như Huệ Năng đại sư là bậc lợi căn, trong thời gian rất ngắn, qua mấy câu, đã hoàn toàn thông đạt, hiểu rõ, thông đạt hết thấy các pháp. Độn căn cũng là như vậy, họ có thể huân tu lâu dài, mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm bèn đại triệt đại ngộ.

Vì sao căn tánh khác nhau? Nói thật ra, [ai nấy] có cùng một tự tánh, há lẽ nào khác nhau; nhưng do trong kiếp quá khứ, hoàn cảnh sống của mỗi cá nhân khác nhau, nếu bỏ sót giáo huấn của thánh hiền sẽ bị nhiễm đơ; có người bị ô nhiễm nghiêm trọng, có người ô nhiễm nhẹ hơn, chẳng phải là do đạo lý ấy hay sao? Ô nhiễm nhẹ, căn cơ bèn nhạy bén; ô nhiễm nghiêm trọng, căn cơ chậm lụt. Nếu suy xét cẩn thận, [căn cơ lợi hay độn] cũng liên quan đến đời quá khứ. Chúng ta biết: Chúng ta luân hồi trọn chẳng phải chỉ một đời này, trong quá khứ, đường nào cũng đều đã sanh vào, mọi người đều giống như vậy, chẳng có ngoại lệ. Trong quá khứ, quý vị cũng đã làm thiên vương, thiên thần, mà cũng đã biến thành súc sanh, cũng từng đọa địa ngục, đều như nhau. Nhưng trong lục đạo, nhân đạo rất đặc thù, nhân đạo là mấu chốt: Sanh lên thiên đường phải qua nhân đạo, đọa tam đồ cũng trải qua nhân đạo, thoát khỏi tam giới chúng Bồ Đề cũng ở ngay trong nhân đạo. Nhân đạo là mấu chốt, là cốt lõi. Tu thiện, tu phước trong nhân đạo, đời sau hưởng báo trong thiên đạo. Phải nên thay một chữ trong “*hưởng phước*” cho thích hợp hơn, tức là “*tiêu phước*”. Quý vị tu phước, phước báo ấy phải tiêu trừ, vì sao phải tiêu trừ? Trong tự tánh không có thứ ấy, đó là ô nhiễm, chẳng thanh tịnh. Huệ Năng đại sư nói: “*Nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh*”, tội và phước đều chẳng phải là thanh tịnh, trong tự tánh không có những thứ ấy. Do vậy, quý vị tu phước báo nhiều như vậy, phải lên cõi trời để tiêu. Hưởng phước là tiêu phước báo. Quý vị làm chuyện bất thiện thì sao? Vào trong tam đồ để tiêu tội nghiệp, thấy đều tiêu trừ, bèn trở lại nhân gian, lại trở về nơi này. Nếu quý vị gặp gỡ Phật pháp, rất khó có, quý vị vượt thoát, đây là tình trạng thật sự trong lục đạo. Lúc ở trong nhân đạo, đúng là tùy theo ý niệm của chính mình mà đường nào

cũng đều có thể vào, nhưng quý vị ở trong đường nào mà nghiệp thuộc đường ấy chưa tiêu, sẽ chẳng thể rời khỏi đường ấy! Đó là căn khí lợi hay độn không giống nhau.

“*Cổ vị tam thừa phàm thánh sở kiến Phật thân báo hóa, niên tuế đoãn trường, thành Phật cứu cận, các các bất đồng cố*” (cổ nhân nói: “Tam thừa phàm thánh thấy báo thân và hóa thân của Phật có thọ mạng dài hay ngắn, thành Phật đã lâu hay gần đây, mỗi người mỗi khác”), đây cũng là hiện tượng có thật. Do vậy, ta biết lời đức Phật dạy là đúng: “*Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng*”, câu này quá quan trọng. Trong hết thấy cảnh giới, nếu chúng ta thường có thể khởi lên câu này, quý vị sẽ chẳng bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, mà có thể chuyển đổi cảnh giới. Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng, tâm tưởng của ai? Tâm tưởng của chính mình. Đã là sanh từ tâm tưởng của chính mình, vì sao ta chẳng sanh Phật? Sanh Phật bằng cách nào? Niệm Phật bèn sanh Phật, niệm niệm là A Di Đà Phật, niệm niệm bèn sanh A Di Đà Phật. Trong Cao Tăng Truyện có chép, vị tổ thứ hai của Tịnh Tông là Thiện Đạo đại sư đời Đường, theo truyện ký ghi chép, lão nhân gia niệm Phật, niệm Phật hiệu một tiếng, trong miệng tỏa ra một tia bạch quang, trong bạch quang có một tượng A Di Đà Phật, niệm mỗi câu đều hiện tượng Phật. Theo truyện ký cho biết, Thiện Đạo đại sư là A Di Đà Phật tái lai, đó chính là A Di Đà Phật thị hiện cho chúng ta thấy, thị hiện điều gì? “*Nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”. Chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật có ánh sáng hay không, có Phật hay không? Có! Khẳng định là có. Vì sao không thấy? Chúng ta nghiệp chướng chưa tiêu trừ, ánh sáng và Phật rất nhạt, người bình phàm chúng ta chẳng thấy được. Thiện Đạo đại sư niệm Phật, quang minh và Phật mọi người đều có thể trông thấy vì tâm Ngài thuần, thuần tịnh, thuần thiện, đúng là niệm niệm tương ứng với thanh tịnh, bình đẳng, giác; cho nên Ngài hiện tượng rõ rệt như vậy. Đạo lý là như vậy đó!

“*Tam thừa phàm thánh*”: Tam thừa là Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, đây là thánh, tam thừa đều là thánh. Phàm là lục đạo phàm phu. Chúng ta học Phật, thấy thân Phật, Phật có báo thân, hóa thân, tuổi thọ dài hay ngắn, thành Phật đã lâu hay gần đây, mỗi người thấy khác nhau. Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong thế gian này, thế thọ, tức tuổi thọ trên thế gian này là tám mươi tuổi, người Trung Quốc tính tuổi theo lối hư tuế (tuổi ta) là tám mươi tuổi, người ngoại quốc nói tuổi thật sự, nên là bảy mươi chín tuổi. Đức Phật thị hiện thành đạo lúc ba mươi tuổi, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, sau khi thành đạo bèn bắt đầu giáo học. Dạy cho đến khi Ngài viên tịch, bảy mươi chín tuổi viên tịch. Vì thế,

thuyết pháp bốn mươi chín năm, giảng kinh hơn ba trăm hội. Chúng ta thấy sách này nhắc tới thân tướng của Thích Ca Mâu Ni Phật, đó là Ứng Thân, tức thân ứng hóa, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp. Kinh ghi chép thân [Phật] cao một trượng sáu, tức “*trượng lục kim thân*”. Khi chúng ta thấy “một trượng sáu”, [bèn nghĩ] quá lớn, cao gấp đôi người thông thường! Chẳng phải vậy! Thước trong hệ thống đo lường thuở ấy chẳng dài như vậy. Chúng ta hãy xem [trước tác] của Hoàng Nhất đại sư. Hoàng Nhất đại sư nghiên cứu giới luật, Ngài có bài Châu Xích Khảo (khảo sát về thước đời Châu), Ngài đã nghiên cứu đời Châu, một thước vào đời Châu dài bao nhiêu? Gần như bằng sáu tấc hiện thời, [nói theo] thị xích<sup>3</sup>, tức [một thước đời Châu bằng] sáu tấc của một thị xích Trung Quốc [hiện thời]. Đo lường thời cổ và hiện tại khác nhau. Do vậy, chiếu theo đó, Thích Ca Mâu Ni Phật là người [có chiều cao] rất bình thường, chẳng có gì đặc biệt lắm. Thị hiện tám tướng thành đạo, hợp tình, hợp lý, chúng ta đọc được điều ấy từ kinh thư.

Hóa thân cũng rất nhiều. Thuở trước, tôi sang Hương Cảng giảng kinh lần đầu, pháp sư Thánh Nhất bảo tôi, thuở ấy, Đại Lục vẫn chưa mở cửa, bọn họ gồm ba vị pháp sư đi triều bái Quán Thế Âm Bồ Tát. Triều Âm Động ở Phổ Đà Sơn là nơi Bồ Tát thường hiện thân, họ thành tâm thành ý đến lạy, lễ bái ở cửa động, họ là ba người xuất gia. Ba người kết bạn, lạy ở cửa động nửa giờ, Quán Âm Bồ Tát xuất hiện, ba người đều hoan hỷ. Lúc trở về, ba người trò chuyện, [hỏi nhau] có thấy Bồ Tát hay không? Thấy! Ba người đều thấy, “nhưng ông thấy như thế nào?” Pháp sư Thánh Nhất thấy Bồ Tát có hình dạng giống như Địa Tạng Bồ Tát, đội mão Tỳ Lô, Địa Tạng Bồ Tát đội mão, kim thân, tức toàn thân là sắc vàng, Ngài thấy hình tượng ấy. Một pháp sư khác thấy Bồ Tát hiện hình Bạch Y Quán Âm giống như chúng ta thường thấy [hình tượng] Bạch Y Quán Âm, thầy ấy thấy hình dáng đó. Còn một vị pháp sư nữa thì thấy Ngài là người xuất gia, mang hình dáng tỳ-kheo. Quý vị thấy ba người cùng lúc lạy Quán Âm Bồ Tát tại động Triều Âm, đều thấy được Bồ Tát, nhưng hóa thân khác nhau, thời gian dài hay ngắn cũng khác nhau. Có người thấy hơn nửa giờ rồi tướng ấy chẳng còn nữa. Có người thấy mấy phút; đây là mỗi cá nhân duyên phận khác nhau. Những việc như vậy rất phổ biến, cũng có thể là bản thân chúng ta đã từng gặp.

---

<sup>3</sup> “Thị xích” (市尺) là đơn vị đo lường được áp dụng tại Đài Loan và Hương Cảng. Chữ “*thị xích*” hàm ý thước được dùng trong thị trường nhằm phân biệt với Công Xích (mét) và Anh Xích (foot). Một thị xích bằng 1/3 mét, tức 33,33 cm. Một thị xích gồm mười thốn (tấc), như vậy một thước đời Châu bằng sáu thốn của thị xích, tức là chừng 18 cm.

Chúng ta lại thấy cụ Niệm Tổ viết tiếp: “*Kim chỉ thủ Phật cập đệ tử sư tư cơ cảm tương ngộ chi khoảnh, thuyết thính sự tất, tiện danh Nhất Thời dã*” (Nay chỉ lấy lúc Phật và đệ tử, thầy trò cơ cảm gặp gỡ, nói nghe xong xuôi bèn gọi là Nhất Thời). Đây là cách nói của những nhà giảng kinh từ xưa, những pháp sư giảng kinh đều chọn cách nói này để giải thích chữ “*nhất thời*”, “*nhất thời*” là lúc gặp gỡ. Thích Ca Mâu Ni Phật khai thị, giảng kinh Vô Lượng Thọ cho chúng ta, giảng viên mãn bộ kinh Vô Lượng Thọ này thì gọi là “*nhất thời*”. Rất nhiều nhà giảng kinh đều nói theo cách này; vì thế, quý vị thấy Phật Địa Luận cũng giảng giống như vậy: “*Thuyết thính cứu cánh, tổng ngôn nhất thời*” (nói nghe xong xuôi, gọi chung là “*nhất thời*”). Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết pháp, chúng ta nghe pháp, Ngài giảng xong, chúng ta cũng nghe xong, đây là “*nhất thời*”. “*Thị cố kinh trung bất ngôn mỗ niên, mỗ nguyệt, đản dĩ sư cập đệ tử, cơ ứng hòa hợp, thuyết thính sự tất, tức danh nhất thời*” (Vì thế trong kinh chẳng nói năm nào, tháng nào, chỉ lấy chuyện thầy và đệ tử cơ cảm tương ứng, hòa hợp, nói và nghe xong xuôi, liền gọi là Nhất Thời). “*Cơ ứng*”: Cơ là học trò, chúng sanh có cảm, Phật bèn có ứng, “*cơ ứng hòa hợp*” cũng chính là cảm ứng đạo giao. Nói nghe đã viên mãn, bèn gọi là Nhất Thời.

Tiếp đó, cụ Hoàng bảo chúng ta: “*Hựu kinh trung bất cử niên nguyệt giả, các địa lịch pháp bất đồng*” (lại nữa, trong kinh chẳng nêu năm tháng vì lịch pháp các nơi sai khác), lịch pháp Ấn Độ và Trung Quốc khác nhau, dấu ghi chép năm, tháng, ngày thì người Hoa cũng chẳng có cách nào khảo sát. “*Hựu thế giới thời phân bất nhất*” (lại nữa cách phân định thời gian trên thế giới chẳng giống nhau). Nếu quý vị mở rộng phạm vi, hướng đến đại thế giới, nay chúng ta gọi là “*múi giờ sai khác*” (thời sai) thì múi giờ sai biệt khác nhau. “*Tứ Thiên Vương Thiên nhất nhật, tiện thị nhân gian ngũ thập niên*” (một ngày trên cõi trời Tứ Thiên Vương là năm mươi năm trong nhân gian), Tứ Thiên Vương là tầng thấp nhất của sáu tầng trời thuộc Dục Giới, gần chúng ta nhất, [bốn thiên vương trong tầng trời ấy] được gọi là Tứ Đại Thiên Vương. Thời gian trên cõi trời ấy khác biệt với thời gian trên địa cầu rất lớn, một ngày của họ bằng năm mươi năm trong nhân gian. Đao Lợi Thiên lại lâu gấp đôi. Người Trung Quốc gọi [chúa tể] Đao Lợi Thiên là Ngọc Hoàng Đại Đế, một ngày trên trời Đao Lợi bằng một trăm năm trong nhân gian. Lên cao hơn, tầng gấp bội. Một ngày trên trời Dạ Ma bằng hai trăm năm trong nhân gian. Một ngày trên Đâu Suất Thiên, đạo tràng của Di Lặc Bồ Tát ở đó, một ngày ở đó bằng bốn trăm năm trong nhân gian. Vì thế, Đâu Suất Thiên thấy nhân gian rất đáng thương, con người sống một trăm tuổi, chỉ là một phần

tư của một ngày [trên Đâu Suất Thiên], tức sáu giờ, họ thấy chúng ta chỉ sống sáu giờ, chưa được nửa ngày. Vì thế, nói “*thời phần chẳng nhất định*”.

“*Thả hiện đại khoa học chứng minh*” (hơn nữa, khoa học hiện đại chứng minh), lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ học khoa học, “*thái dương vi nhiều Ngân Hà hệ trung tâm vận hành nhất châu (tức thái dương thượng chi nhất niên)*” (mặt trời xoay quanh hệ Ngân Hà một vòng, tức là một năm mặt trời), một vòng ấy được gọi là một năm, tức “*thái dương niên*”, một năm mặt trời bằng bao nhiêu năm trên địa cầu? “*Tương đương u địa cầu thời gian chi nhị vạn vạn niên*” (tương đương với thời gian hai vạn vạn năm trên địa cầu), hai ức năm! Mặt trời xoay quanh Ngân Hà một vòng, một năm mặt trời là hai ức năm trên nhân gian. “*Tắc thời gian tùy vật thể vận động tốc độ nhi biến dị, bốn phi định lượng. Cổ kinh trung kỳ ngôn nhất thời tối thiết thực tế*” (vậy thì thời gian tùy thuộc tốc độ chuyển động của vật thể mà thay đổi khác biệt, vốn chẳng phải là một đại lượng cố định. Vì thế, trong kinh nói “nhất thời” sát với thực tế nhất). Nói thật ra, nói “*nhất thời*” hay quá, “*nhất thời*” là gì, rốt cuộc giải thích như thế nào? Nay chúng tôi đã hiểu, liễu giải ý Phật, tức là như Di Lặc Bồ Tát đã nói một niệm, trong một cái khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, một niệm ấy là “*nhất thời*”. Tất cả hết thảy hiện tượng vật chất trong vũ trụ đều là huyễn tượng tích lũy liên tục của ý niệm, do vậy, nói “*nhất thời*” rất chính xác, rất chân thật. “*Nhất niệm*” là một phần trong ba trăm hai mươi triệu phần của một cái khảy ngón tay, chẳng phải là một giây; nếu là giây thì giây hãy còn dài, niệm là [một phần rất nhỏ] của một cái khảy ngón tay.

Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp: “*Phật giả, Chủ Thành Tựu dã*” (Phật là Chủ Thành Tựu), Chủ là chủ tịch đại hội, chủ giảng trong giảng đường, ở đây, chúng tôi dùng chữ “*chủ giảng*” mọi người sẽ dễ hiểu. Vì đức Phật giáo học, nên lão nhân gia là chủ giảng. “*Phật vi nhất thiết chúng sanh chi tông chủ, cổ danh vi Chủ*” (Đức Phật là đáng chánh yếu được hết thảy chúng sanh tôn sùng, nên gọi là Chủ). Đối với ý nghĩa chữ Tông (宗), tại Trung Quốc, nói thông thường sẽ có ba ý nghĩa: Thứ nhất là chủ yếu, ý nghĩa thứ hai là trọng yếu, ý nghĩa thứ ba là tôn sùng. Vì vậy, chúng ta dùng ba ý nghĩa này để nói về Phật giáo, giáo dục của Phật Đà là gì? Giáo dục của Thích Ca Mâu Ni Phật trong thế gian này là giáo dục chủ yếu, là giáo học trọng yếu, là sự giáo hóa đáng tôn sùng. Bản thân Phật môn xưng là Tông Giáo, chẳng liên quan gì đến ý nghĩa được bao hàm trong danh từ “tôn giáo” hiện thời. Bản thân Phật môn xưng là Tông Giáo, vì nó có hai thứ phương pháp giáo học hoàn toàn khác nhau là Tông Môn và Giáo Hạ. [Tông

Môn] là Thiên Tông, phương pháp giáo học của Thiên Tông và chín tông [còn lại] khác nhau, chín tông kia gọi là Giáo Hạ, giống như trong trường học, [Giáo Hạ] là nói với ai? Nói với kẻ độn căn. Trong Phật pháp, thường nói là [những giáo huấn] “giảng cho căn cơ trung hạ”, [căn cơ trung hạ] chiếm tỷ lệ tối đa, nên phải dùng Giáo, Giáo là giáo học trong một thời gian dài. Vì vậy, đề xướng “*thâm nhập một môn, huân tu dài lâu*” dành cho người thuộc căn cơ trung hạ. Đối với người thượng thượng căn, thông minh tuyệt đỉnh, thiên tài, chẳng cần phải phiền phức như thế, họ có năng lực đốn ngộ.

Vì thế, nói thật ra, đốn ngộ là ngộ như thế nào? Buông xuống bèn khai ngộ, trong kinh, đức Phật đã nói điều này rất rõ ràng. Chúng ta đều nên ghi nhớ, cũng có thể nói là đối với vọng tưởng, phân biệt, chấp trước như kinh Hoa Nghiêm đã nói, quý vị có thể đốn xả ba thứ ấy, hãy buông xuống bèn khai ngộ. Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật ở dưới cội Bồ Đề, ban đêm thấy sao Mai, do triệt để buông xuống bèn đại triệt đại ngộ. Trong phương trượng thất của Ngũ Tổ, Huệ Năng đại sư nghe câu “*ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*”, Ngài buông xuống bèn khai ngộ, một ngộ, hết thấy ngộ. Hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, không có pháp nào chẳng thông đạt, chẳng bị pháp nào chướng ngại, đây là khai ngộ thật sự. Hễ còn có một pháp chẳng hiểu rõ, chẳng thông đạt, tức là chưa khai ngộ, chẳng phải là triệt ngộ. Bởi lẽ, ngộ có triệt ngộ, đại ngộ, và tiểu ngộ, rất nhiều tầng lớp. Kẻ độn căn tích tập tiểu ngộ thành đại ngộ, tích tập đại ngộ thành đại triệt đại ngộ, dần dần, thời gian ấy rất dài. Phải ngộ như thế nào? Hãy nhớ buông xuống. Không buông xuống, học cách nào cũng chẳng ngộ.

Khai ngộ chẳng dính dáng đến học hay không học, trong Đàn Kinh đã ghi chép lời Huệ Năng đại sư nói với tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng. Do vậy ta biết, [khai ngộ] chẳng liên quan đến học tập kinh giáo nhiều hay ít, chẳng có mối liên hệ gì. Thông thường, đối với người khai ngộ thì người khai ngộ chú trọng buông xuống, một môn sẽ hữu hiệu nhất, dễ dàng buông xuống. Học rất nhiều pháp môn, đâm ra sẽ khó khăn, chẳng dễ gì buông xuống, dễ biến thành học thuật, biến giáo huấn của Phật Đà thành Phật học, biến thành một thứ học thuật, không thể thụ dụng. Thật sự được thụ dụng thì phải đạt được học vị trong Phật môn. Buông chấp trước xuống, quý vị chứng quả A La Hán. Buông phân biệt xuống, quý vị là Bồ Tát, đạt được Chánh Đẳng Chánh Giác. Buông khởi tâm động niệm xuống, quý vị là Phật Đà, chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật giảng như vậy rất nhiều. Chúng ta phải thường thấu hiểu trong tâm, biết phải tu hành ra sao, giúp chính mình đắc Định. Điều này vô cùng quan trọng, đắc Định

là tam-muội. Chúng ta tu pháp môn Niệm Phật, đặc Niệm Phật tam-muội, có ích to lớn cho sự vãng sanh của chúng ta. Chưa đạt được Niệm Phật tam-muội, vãng sanh sẽ sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Nếu đặc tam-muội, sẽ sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Nếu khai ngộ, đại triệt đại ngộ, sẽ sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, khác nhau! Do vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật, A Di Đà Phật, lịch đại tổ sư Bồ Tát buốt lòng rát miệng nói lời chân thật, dạy chúng ta thâm nhập một môn, huân tu lâu dài. Quý vị có thể học tập như vậy, quyết định thành tựu trong một đời. Thành tựu là vãng sanh, vãng sanh là thật sự thành tựu, vãng sanh đúng là thành Phật trong một đời. Do khăng khăng một mực, tâm người ấy sẽ định. Lan man quá nhiều, tâm luôn xao động, phập phều, nói chung là chẳng thể định, chúng ta thử xem sẽ biết. Quý vị đồng thời học mấy pháp môn, tâm sẽ chẳng thể định. Học một pháp môn trong một thời gian dài, tâm sẽ định. Trì giới giúp quý vị đặc định; vì thế, trì giới vô cùng trọng yếu, chớ nên xem nhẹ.

Tiếp đó, sách viết: “*Hựu lục thành tựu trung, Chủ Thành Tựu tối vi chủ cố*” (Lại nữa, trong sáu thứ thành tựu, Chủ Thành Tựu là chủ yếu nhất), điều này trọng yếu nhất. Phật là vị chủ giảng, tức là chủ giảng trong buổi học, không có Ngài, những điều thành tựu khác há có tác dụng gì? Do vậy, [Chủ Thành Tựu] trọng yếu hơn bất cứ điều gì khác. Tiếp đó, sách giải thích chữ “Phật”, chữ này rất trọng yếu. Xã hội hiện tại nầy sanh sự hiểu lầm nghiêm trọng đối với Phật. Sự hiểu lầm ấy chướng ngại rất nhiều người trong cả đời này, khiến cho họ đối với cơ hội tốt đẹp ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ. Vì nói về mặt lợi ích nhỏ nhất của cơ hội này thì nó có thể giúp quý vị khỏe mạnh, trường thọ, Phật pháp có thể giúp quý vị thăng quan, phát tài, phá mê, khai ngộ, tăng trưởng trí huệ. Những thứ nhân gian chúng ta cần đến, Phật pháp đều giúp được, thật sự có thể giúp, chẳng giả tí nào! Lúc tôi mới học Phật, thầy bảo tôi: “*Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng*”. Bất luận quý vị cầu gì, quý vị thấy: Cầu thành Phật mà còn có thể làm được, thì cầu phú quý trong cõi trời người đáng gọi là “lông gà, vỏ tỏi”, quá dễ dàng! Thầy nói trong kinh Phật có căn cứ lý luận, đạo lý, và phương pháp để cầu, đúng lý, đúng pháp, không có gì chẳng cầu được! Quý vị cầu chẳng được, không có cảm ứng, là do nguyên nhân nào? Quý vị không đúng pháp, chẳng đúng lý. Đúng lý, đúng pháp mà cầu không được là do quý vị nghiệp chướng rất nặng. Chỉ cần sám trừ nghiệp chướng, những điều mong cầu sẽ cảm ứng lập tức hiện tiền, thật đấy, chẳng giả đâu! Nói theo nguyên lý, đó là nguyên lý vĩnh hằng không thay đổi trong kinh Phật, hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng, chẳng giả tí nào. Hiện thời các nhà Lượng Tử Học đã phát hiện đạo lý này. Tôi tin tưởng khoa học Lượng Tử

dăm ba năm nữa sẽ rất phổ biến, rất hữu ích cho nhân loại, thật sự có thể giúp chúng ta giải quyết nhiều vấn đề.

Đức Phật dạy chúng ta, nay mọi người cầu của cải, thông minh, trí huệ, khỏe mạnh, trường thọ, mọi người mong cầu những điều ấy, trong Phật pháp có phương pháp. Tôi biết phương pháp ấy là do thủa tôi học Phật, Chương Gia đại sư dạy tôi, [lúc ấy] tôi hai mươi sáu tuổi. Số mạng tôi rất khổ, là số mạng bản tiện, bản là không có của cải, tiện là không có địa vị xã hội, bản tiện đến tột cùng! Thầy dạy tôi cách thoát khỏi bản tiện, muốn thoát khỏi, dùng phương pháp gì? Ngài bèn dạy tôi: “*Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng*”. Cửa cải do đâu mà có? Cửa cải là quả báo, quả ắt có nhân. Nhân là gì? Nhân là tài bố thí, xả tài được phước. Mạng tôi nhằm trúng vận mạng bản tiện, lấy đâu ra tài? Cuộc sống vô cùng khôn khó, gần như tự lo cho mình còn không xong, tiền đâu để bố thí? Thầy hỏi tôi: “Một cắc có hay không?” Một cắc thì vẫn còn được! “Một đồng có được hay không?” Một đồng cũng rất miễn cưỡng, còn có thể, chứ nhiều hơn thì không nổi! Thầy dạy tôi: “Anh hãy bắt đầu từ một cắc, một đồng, phải dưỡng thành cái tâm bố thí, thường có lòng giúp đỡ người khác”. Sau đây, tôi còn hiểu: Tôi không có tiền thì tôi làm công quả. Công quả là nội tài bố thí, phước báo còn lớn hơn nữa. Tiền tài là ngoại tài, ngoại tài dẫu nhiều, phước báo không lớn, nội tài phước báo lớn. Tôi dùng thể lực, thời gian, và trí huệ của chính mình để phục vụ đại chúng, đó đều gọi là “nội tài bố thí”, đều thuộc tài bố thí, đạt được của cải. Thầy dạy, tôi bèn thật sự làm. Nhân của thông minh, trí huệ là quả báo là gì? Nhân là pháp bố thí. Pháp là gì? Ta biết, ta hiểu, bèn hoan hỷ truyền dạy người khác, vui vẻ dạy người khác, người khác chẳng hiểu, ta dạy họ, đó gọi là pháp bố thí. Pháp bố thí có quả báo là tăng trưởng thông minh, trí huệ.

Loại thứ ba là vô úy bố thí, quả báo là được khỏe mạnh, trường thọ. Vô úy là gì? Giúp hết thảy chúng sanh khổ nạn rời lìa kinh hoàng, sợ hãi, đó là vô úy bố thí. Đặc biệt là khi đau khổ, ngã bệnh, cần người khác giúp đỡ, khi gặp nạn gấp cần người khác giúp đỡ, gặp người có khó khăn bèn giúp một tay, sẽ được khỏe mạnh, trường thọ. Trong cuộc sống hằng ngày, quan trọng nhất là chẳng sát sanh, không ăn thịt. Đó là gì? Đó là vô úy bố thí, quý vị chẳng tổn hại chúng sanh. Tích cực phóng sanh. Phóng sanh là cứu mạng, một con cá, một con tôm cũng là một cái mạng, quý vị có thể giúp cho chúng sống thêm vài ngày, chúng rất cảm ơn quý vị; quả báo là được khỏe mạnh, trường thọ. Tôi tiếp nhận lời giáo huấn của thầy; vì thế, quý vị thấy tôi bắt đầu học tập chưa đầy nửa năm bèn ăn chay trường. Vì sao? Vì tôi biết chính mình thọ mạng chẳng dài, rất nhiều người xem

tướng, đoán số cho tôi, nói tôi sống không quá bốn mươi lăm tuổi. Tôi tin tưởng, thọ mạng của chính mình đã định sẵn là bốn mươi lăm tuổi, học Phật đến năm bốn mươi lăm tuổi, nhất định phải có thành tựu, vì sau bốn mươi lăm tuổi sẽ chẳng còn [cái thân] nữa! Do vậy, tôi cũng rất sốt sắng học tập ba thứ bố thí ấy. Khó khăn đến đâu, tâm bố thí vẫn là chân tâm, thật sự làm. Hiệu quả vô cùng rõ rệt, đúng là từ khi phát tâm ấy, một đồng, một cắc bố thí, sau đôi ba năm, thân nhập tăng hơn nhiều, hữu hiệu. Bố thí càng nhiều hơn, càng thí càng nhiều, chẳng giá tí nào, chứng minh những điều đức Phật đã giảng trong kinh là thật.

Pháp bố thí là học kinh giáo. Lên đài giảng kinh, ba thứ bố thí đầy đủ. Giảng kinh cần đến thể lực, thời gian, tinh thần, đấy là gì? Nội tài bố thí. Giảng giải kinh điển Phật pháp cho mọi người, đó là pháp bố thí. Sau khi quý vị thật sự nghe hiểu kinh điển, học tập, có thể tiêu trừ hết thầy khổ nạn, đó là vô úy bố thí. Vì vậy, thuở ấy, thầy cổ vũ, khích lệ tôi giảng kinh, lên đài giảng kinh. Khi thầy khích lệ tôi, tôi sợ hãi, thưa: “Con đến Đài Trung là để nghe kinh, theo thầy học tập, con chẳng dám lên đài giảng kinh. Con còn nghe nói, trong Phật môn có lời truyền: ‘Nói trật một chữ, sẽ phải đọa làm thân chồn hoang năm trăm đời’, sợ quá, làm sao dám giảng?” Cuối cùng vẫn nghe theo quyết định của thầy. Thầy nói: “Đúng vậy, nói trật một chữ, tự đọa làm thân chồn hoang, chuyện ấy chẳng phải là giả, thật đấy! Nhưng vào thời cổ, giảng kinh phải chứng quả thì mới có thể giảng kinh; chưa chứng quả, chẳng thể giảng kinh. Vì thế, cổ thánh tiên hiền chú giải kinh đều là người đã chứng quả, chẳng phải là phạm nhân; nhưng trong thời đại hiện tại, không chỉ chẳng có người chứng quả, mà người khai ngộ cũng không có. Nếu chúng ta chẳng phát tâm giảng, Phật pháp sẽ bị tiêu diệt trong đời này”. Thầy nói lời ấy, lời lẽ nghiêm trọng, cách làm ra sao? “Chúng ta nhất định phải phát tâm cứu vớt Phật giáo. Do vậy, anh nhất định phải phát tâm học giảng kinh. Giảng bằng cách nào trong khi chính mình chưa khai ngộ? Giảng chú giải của cổ nhân. Chúng ta giảng trật là do cổ nhân chú giải trật, họ chịu trách nhiệm, chúng ta chẳng lãnh trách nhiệm”. Thầy chỉ điểm khiến chúng tôi tỉnh ngộ. [Giảng kinh trong hiện thời] giống như chú giải của cổ nhân viết bằng lối văn Văn Ngôn, chúng ta dịch Văn Ngôn thành văn Bạch Thoại, chúng ta có thể làm được điều này. Nếu chúng ta gặp khó khăn khi đọc Văn Ngôn, nay các pháp sư cận đại có chú giải bằng văn Bạch Thoại, chúng ta dùng những thứ ấy. Thầy chỉ định chú giải của những vị nào có thể đọc, vì sao? Họ có tu, thật sự tu hành, chẳng nói tùy tiện. Thầy chỉ định tôi đọc [các bản chú giải] của pháp sư Đệ Nhàn, pháp sư Đàm Hư, pháp sư Viên Anh, và pháp sư Hưng Từ, kể ra bảy tám thứ, “anh đọc những

tác phẩm của các vị pháp sư ấy sẽ chẳng trật”. Chúng tôi đi theo con đường ấy mới phát khởi tâm học giảng kinh; vì lẽ đó, chẳng rời chú giải của cổ nhân.

Tôi giảng kinh Hoa Nghiêm theo hai vị thầy, một vị là Thanh Lương, vị kia là cư sĩ Lý Thông Huyền, [tức là dựa trên hai bản chú giải Hoa Nghiêm Kinh] Sớ Sao của Thanh Lương đại sư và Hợp Luận của Lý Thông Huyền. Tôi tham khảo hai bản chú giải ấy để giảng. Lần này, chúng tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ, hoàn toàn dùng bản chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Tôi vô cùng cảm tạ cụ đã soạn chú giải cho kinh này hay như thế, thật khó có! Tôi và cụ đến lúc tuổi già mới gặp được nhau, lúc ấy, cụ đã bảy mươi mấy tuổi, tôi ngoài sáu mươi. Người đầu tiên gọi tôi là “lão pháp sư” chính là cụ. Sáu mươi tuổi là lão nhân, tôi đã hơn sáu mươi tuổi. Gặp cụ ở Bắc Kinh, cụ liền bảo học trò gọi tôi là lão pháp sư. Viết bản chú giải này chẳng dễ dàng, cụ một thân bệnh tật nặng nề, ngày đêm chẳng ngủ, chẳng nghỉ ngơi, hoàn thành bản chú giải này, tôi thấy vậy vô cùng cảm động. Sau khi sách hoàn thành, cụ muốn tôi viết lời tựa, tôi cũng vâng lệnh viết, quý vị đã thấy [lời tựa ấy] trong bản Chú Giải. Vì vậy, tôi giảng lần này nhằm kỷ niệm cụ, đặc biệt treo hình cụ ở đây. Lúc cụ vãng sanh, gần như là trong thời gian nửa năm, mỗi ngày cụ niệm Phật hiệu mười bốn vạn câu, sanh về thế giới Cực Lạc. Sau khi hoàn thành chú giải, cụ thật sự buông xuống hết thầy. Cụ đã học rất nhiều, từng học Thiền, theo lão hòa thượng Hư Vân học Thiền, cũng học Mật, Tông Môn, Giáo Hạ cụ đều đã từng nghiên cứu, tới lúc mạng chung đều buông xuống hết, một câu A Di Đà Phật niệm đến cùng. Điều này có liên quan đến thầy cụ. Thầy của cụ là cư sĩ Hạ Liên Cư. Cư sĩ Hạ Liên Cư cũng thông Tông, thông Giáo, cuối cùng, lúc mất là một câu Phật hiệu, nhất tâm chuyên cầu Tịnh Độ.

Tôi theo thầy Lý mười năm, nói thật ra, thầy cũng là Tông, Giáo, Hiền, Mật đều thử qua, cụ dạy tôi chớ nên lãng phí thời gian, mà hãy thâm nhập một môn, chuyên tu Tịnh Độ, thời gian [đã tốn để học các tông, các pháp khác] đúng là lãng phí. Quý vị thấy: Đến cuối cùng, hữu dụng vẫn là một câu Phật hiệu, giúp cụ vãng sanh. Do vậy biết: Người thật sự vãng sanh với phẩm vị cao là ai? Ông già bà cả ở làng quê, chuyện gì cũng đều chẳng biết, thứ gì cũng chưa từng học, cứ một câu A Di Đà Phật niệm suốt ngày từ sáng đến tối. Lúc ra đi, đứng mất, ngồi mất, biết trước lúc mất, chẳng ngã bệnh, thật tuyệt vời! Vì thế, thầy Lý thường nói: “*Học theo kẻ ngu, tự mình muốn học theo kẻ ngu, mà mấy chục năm học chẳng giống!*” Ngu nhưng không ai sánh bằng, cổ nhân nói câu ấy hết sức có lý! Thông minh, tự cho mình là thông minh, chẳng bằng bà cụ già ở nông thôn, suốt đời nhất tâm, một môn, phẩm vị vãng sanh cao. Quý vị thấy người đồ đệ làm nghề vá nôi,

chuyện này rất nhiều người biết, pháp sư Đế Nhàn đã nói về trình độ và thành tựu của người thọ vá nôi như sau: “*Những vị phương trượng trụ trì các đại đạo tràng tại các danh sơn đương thời đều chẳng bằng ông, đại pháp sư giảng kinh, giáo học cũng chẳng bằng ông*”. Quý vị thấy ông ta chẳng sanh bệnh, biết trước lúc mất, đứng mất. Sau khi đã chết, vẫn đứng sừng sững ba ngày, chờ thầy đến lo liệu hậu sự. Người đã chết vẫn đứng ba ngày, có vị pháp sư giảng kinh, hay phương trượng trụ trì nào có thể sánh bằng ông ta? Ông ta niệm một câu A Di Đà Phật ba năm, thời gian cũng chẳng dài, nêu gương tốt đẹp!

Khoảng bốn mươi năm trước, lúc Phật Quang Sơn vừa mới khai sơn, lập một Phật Học Viện, pháp sư Tinh Vân tìm tôi, tôi dạy mười tháng ở đó, đảm nhiệm chức chủ nhiệm giáo vụ. Có một ngày, có một người thọ làm công dài hạn [cho nhà chùa] bảo tôi: Ở quê ông ta thuộc vùng nông thôn Đài Nam, hàng xóm có một bà cụ già, chuyện gì cũng chẳng biết, con dâu của cụ hiểu Phật pháp đôi chút. Bà cụ lạy thần, lễ Phật, gì cũng lạy tuốt! Cưới cô con dâu ấy về, nàng dâu khuyên mẹ chồng đừng đi khắp nơi lạy lục lung tung, hãy lập Phật đường trong nhà, chuyên niệm A Di Đà Phật. Mẹ chồng rất nghe lời nàng dâu, thật sự làm, niệm ba năm, đứng vãng sanh. Người công nhân ấy kể cho tôi biết, đó là chuyện thật, chẳng giả tí nào, chính mắt ông ta thấy, niệm Phật ba năm đấy nhé! Những người ấy vãng sanh phẩm vị tuyệt đối chẳng phải là hạ bối vãng sanh. Vãng sanh với thành tựu giống như vậy, phẩm vị chắc chắn là thượng bối, chẳng phải là trung hạ. Ra đi tiêu sái, tự tại đường ấy, những người ấy thị hiện cho chúng ta thấy.

Chuyện gần nhất là mấy năm trước, phải là bốn hay năm năm trước, ông Hoàng Trung Xương ở Thâm Quyển, là một người trẻ tuổi, ba mươi mấy tuổi, phát nguyện thí nghiệm: “Tôi bẻ quan niệm Phật ba năm thử coi có được hay không?” Mỗi ngày một bộ kinh Vô Lượng Thọ, bản hội tập, thời gian còn lại đều là niệm A Di Đà Phật. Chiếu theo phương pháp lão hòa thượng Đế Nhàn đã dạy người thọ vá nôi, niệm một bèn nghỉ ngơi, chẳng phân biệt ngày hay đêm, niệm một bèn nghỉ ngơi, nghỉ khỏe rồi lại niệm tiếp. Ông ta phát tâm niệm ba năm, niệm tới hai năm mười tháng, còn thiếu hai tháng nữa mới viên mãn, đã ra đi. Biết trước lúc mất, niệm hai năm mười tháng bèn thành công, vãng sanh. Ông này được bà Hướng Tiểu Ly hộ trì. Hướng Tiểu Ly đã thật sự bảo vệ, đưa một người về thế giới Cực Lạc, công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn! Đại Từ Bồ Tát dạy chúng ta: Quý vị có thể đui đút hai người vãng sanh, công đức ấy vượt trội chính mình niệm Phật. Vì sao quý vị có thể vãng sanh? Đến lúc lâm chung, họ sẽ theo A Di Đà Phật cùng đến tiếp dẫn quý vị. Điều này cho thấy công đức đưa người

khác đi vắng sanh chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, phải giảng rõ ràng chữ Phật này, phải giảng minh bạch, thật sự có chuyện ấy, chắc chắn chẳng phải là mê tín.

Đối với bốn ý của chữ Phật, chúng ta hãy xem đoạn sau đây: “*Phật giả, Phạn ngữ vi Phật Đà*” (Phật là Buddha trong tiếng Phạn), trong rất nhiều kinh điển, phía sau còn có một chữ nữa, tức là Phật Đà Da (Buddhaya), đó là tiếng Phạn. “*Kim chỉ ngôn Phật, nãi tinh văn dã*” (nay chỉ nói là Phật là lược bớt vậy). Người Hoa chuộng đơn giản, chẳng thích rườm rà, lược bớt âm cuối, đối với chữ Phật Đà Da, chỉ chừa lại một chữ Phật, hai chữ ở phía sau đều lược bớt, tinh lược. “*Dịch vi Hoa ngôn, tắc vi Giác Giả. Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn*” (dịch sang tiếng Hán là Giác Giả, tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn). Chữ này nghĩa là gì? Nghĩa là giác ngộ. Giác Giả là người giác ngộ, giác ngộ là gì? Một là tự giác, tức là chính mình giác ngộ. Thứ hai là giác tha, tức giúp cho người khác giác ngộ. Thứ ba là tự giác và giác tha đều đạt tới viên mãn. Viên mãn là gì? Minh tâm kiến tánh là viên mãn, nói theo kiểu này. Nếu giác mãn là hết thấy chúng sanh đều giác ngộ, vậy thì rất nhiều chúng sanh vẫn chẳng giác ngộ, làm sao quý vị có thể thành Phật cho được? Vì thế, Giác Tha chẳng có ý nghĩa này! Giác Tha là gì? Giác Tha giúp đỡ tự giác. Người Trung Quốc nói: “*Giáo học tương trợ*” (dạy và học giúp nhau cùng tiến bộ), thật sự giáo học là giác ngộ. Có rất nhiều thứ chính mình không biết, nhưng trong khi dạy học, khi cùng các bạn học hỏi đáp, trí huệ sẽ dấy lên, liền hiểu rõ; vì thế, “*giáo học tương trợ*”. Trong giáo học cũng có thể đắc tam-muội, cũng có thể hoát nhiên đại ngộ. Vì thế, viên mãn là “*minh tâm kiến tánh bèn viên mãn*”; chưa đạt đến minh tâm kiến tánh, vẫn là Bò Tát. Minh tâm kiến tánh bèn thành Phật.

“*Tự giác dị ư phàm phu chi bất giác*” (tự giác: Khác với phàm phu bất giác), tự giác thuộc giai đoạn nào? A La Hán. A La Hán thật sự tự giác, cũng có thể nói là buông xuống chấp trước đối với hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, tự giác rồi. Quý vị chẳng buông xuống, dẫu học nhiều đến đâu, giảng nhiều đến đâu, trước tác suốt một đời, vẫn là bất giác, chẳng thoát ly sanh tử luân hồi. Người tự giác xuất ly lục đạo, thật sự tự giác. Phàm phu, tức là lục đạo phàm phu, dẫu sanh lên trời Phi Tướng Phi Phi Tướng, tức là tầng cao nhất trong hai mươi tám tầng trời, vẫn không thoát khỏi lục đạo, chẳng thể coi là giác ngộ được! “*Phàm phu*” là chúng sanh trong lục đạo. “*Giác tha dị ư Nhị Thừa chi độc giác*” (giác tha là khác với Nhị Thừa chỉ giác ngộ riêng mình), đây là Bò Tát. Nhị Thừa là Thanh Văn và Duyên Giác, cũng là A La Hán và Bích Chi Phật, tâm lượng của họ chẳng lớn, chỉ cầu tự giác. Họ cũng giác tha, nhưng chẳng chủ động dạy người khác. Có

ai theo họ học tập, họ thích kẻ ấy bèn dạy bảo; nếu chẳng ưa thích bèn chẳng đoái hoài, đó là nói về duyên phận, chẳng giống như Bồ Tát. Đối với hết thảy chúng sanh, Bồ Tát bình đẳng dạy bảo, làm bạn chẳng thỉnh của chúng sanh, chúng sanh chẳng tìm Ngài, Ngài chủ động tìm đến để dạy quý vị, chủ động mà! Thích giúp đỡ người khác, đây là Bồ Tát. “*Giác mãn dị ư Bồ Tát chi tại nhân*” (giác mãn, khác với Bồ Tát đang tu nhân), “*mãn*” là minh tâm kiến tánh, viên mãn. Người ấy có thể buông khởi tâm động niệm xuống. Khởi tâm động niệm gọi là vọng tưởng; chẳng khởi tâm, không động niệm, buông vọng tưởng xuống, trở về nương vào tự tánh, bèn minh tâm kiến tánh, đây là thành Phật, cho nên gọi là viên mãn. Bồ Tát thì sao? Bồ Tát còn đang tu học, vẫn chưa đạt đến viên mãn. Vì thế, Bồ Tát chỉ là buông phân biệt, chấp trước xuống, nhưng khởi tâm động niệm chưa buông xuống. Buông khởi tâm động niệm xuống bèn thành Phật.

“*Tam giác câu viên, chúng thánh trung tôn, cố xưng vi Phật*” (ba thứ giác đều viên mãn, là bậc cao quý nhất trong các vị thánh, nên gọi là Phật). Sở dĩ Phật là người giác ngộ viên mãn, Giác Giả là bậc giác ngộ viên mãn, mang ý nghĩa này. Vì thế, Phật chẳng phải là thần, mà cũng chẳng phải là tiên, mà là người, người nào vậy? Là chính mình. Bản thân chúng ta đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng còn chấp trước nữa, biết “*hễ có hình tướng đều là hư vọng*”, thật sự có thể buông xuống, quý vị là tự giác. Người Ấn Độ gọi bậc tự giác là A La Hán, A La Hán tự giác. Buông phân biệt xuống, không chỉ chẳng chấp trước, mà đối với hết thảy các pháp ngay cả tâm phân biệt đều không có, người ấy là Bồ Tát. Không chỉ chẳng phân biệt, ngay cả khởi tâm động niệm cũng không có, tâm địa thật sự trở về thanh tịnh, bình đẳng, giác, người ấy thành Phật. Vì thế, Phật là chính mình, chẳng phải là ai khác. Phật, Bồ Tát, A La Hán là ba danh xưng học vị trong Phật giáo, mỗi cá nhân đều có thể đạt được những học vị ấy. Nếu quý vị thật sự hạ tâm quyết định, trong một đời này, phân biệt, chấp trước thảy đều buông xuống, quý vị bèn thành Phật. Chẳng phải là ai khác, chẳng liên quan đến người khác. Người khác thành Phật, liên quan gì đến ta? Thích Ca Mâu Ni Phật giáo học nhằm mong mọi chính chúng ta sẽ thành Phật, không phải là đi lạy vị Phật nào khác! Lạy vị Phật khác, Ngài sẽ lắc đầu, quý vị đến tìm ta để làm gì? Sai lầm rồi! Sau khi quý vị hiểu rõ, chính mình phải đổ công, chính mình thật sự buông xuống, chuyện này chẳng dính dáng gì đến học hay chẳng học, buông xuống là được! Học mà chẳng thể buông xuống, sẽ biến thành một nhà Phật học. Thuở xưa không có những học giả trong Phật môn như hiện thời, chẳng có danh xưng ấy. Cổ nhân đều là thật tu, quý vị có thể buông xuống bao nhiêu, linh tánh

sẽ được nâng cao lên bấy nhiêu. Quý vị chẳng thể buông xuống, tập khí phiền não sẽ khiến quý vị đọa lạc thấp hơn. Quý vị có thể buông xuống, sẽ được nâng cao lên, đạo lý là như vậy. Vì thế, ba thứ giác, tự giác, giác tha viên mãn. Do đã viên mãn nên là “*chúng thánh trung tôn*” (bậc tôn quý trong các thánh). “*Chúng thánh*”: Từ Tu Đà Hoàn trở lên là thánh nhân. Từ Tu Đà Hoàn đến A La Hán có tám đẳng cấp. Bồ Tát từ địa vị Sơ Tín tới Phật là năm mươi hai đẳng cấp, đều gọi là thánh nhân. Trong nhiều vị thánh nhân như thế, Ngài có địa vị tối cao, được gọi là Phật, chúng thánh trung tôn.

“*Hựu vân trí giả, trí tức giác chi nghĩa*” (Lại gọi là bậc Trí, Trí có nghĩa là giác), đây là trí huệ, Phật có trí huệ. “*Trí vô bất tri, sở vị đắc Nhất Thiết Chủng Trí, tức giác mãn chi nghĩa*” (Trí không gì chẳng biết, nói “đắc Nhất Thiết Chủng Trí”, nghĩa là giác mãn). A La Hán chứng đắc Nhất Thiết Trí, Bồ Tát chứng đắc Đạo Chủng Trí, Phật chứng đắc Nhất Thiết Chủng Trí, đây là trí huệ đạt tới rất ráo viên mãn, không gì chẳng biết. Bồ Tát còn có điều chẳng biết, A La Hán cũng thế, còn Phật thì không gì chẳng biết. Phật là ai? Chính mình. Chính mình thật sự buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, quý vị bèn khế nhập cảnh giới này. “*Tại bốn kinh trung, thử xứ Phật tự, tức chỉ đại ân từ phụ, Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật*” (trong kinh này, chữ Phật ở đây chỉ đáng đại ân từ phụ Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật). Trong kinh này, Phật ở chỗ này là ai? Người giảng bộ kinh này là Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng phải ai khác. Đặc biệt chỉ ra trong bộ kinh này, Thích Ca Mâu Ni Phật tượng trưng ý nghĩa gì. Ngày hôm nay đã hết thời gian rồi, học tới đây, ngày mai tôi sẽ giới thiệu Thích Ca Mâu Ni Phật với quý vị.